

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2022

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 3695/BKHCN-VP ngày 07/12/2022 về việc báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2022, UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN NĂM 2022

1. Tình hình xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật và kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về KH&CN, tỉnh Quảng Trị đã ban hành các Chương trình hành động, Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định... để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung ban hành các chính sách của địa phương để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển các lĩnh vực công nghệ ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao; triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.... Nhiều chủ trương, chính sách về lĩnh vực KH&CN được ban hành và triển khai thực hiện, phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý KH&CN trên địa bàn tỉnh, góp phần khẳng định đóng góp của KH&CN vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*Biểu số 01a/XDVB*).

Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh có nhiều đổi mới trong xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Việc lựa chọn nội dung, đối tượng thanh tra có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng giảm số lượng, tần suất các tổ chức, cá nhân được thanh tra; tăng cường phối hợp giữa nhiều đơn vị chức năng trên địa bàn để lồng ghép nội dung thanh tra, tránh sự chồng chéo ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý chuyên ngành. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức và thực thi về pháp luật về KH&CN của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Năm 2022, Sở đã thực hiện 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh Khí hóa lỏng, Thanh tra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ, Thanh tra trong hoạt động sản xuất về An

toàn và kiểm soát bức xạ, Thanh tra về sản xuất và kinh doanh thép. Tổng số tổ chức cá nhân được thanh tra là 66 đơn vị (*16 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Khí Hóa lỏng, 25 doanh nghiệp kinh doanh vàng, 19 công ty hoạt động kinh doanh về an toàn và kiểm soát bức xạ và 06 đơn vị sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép*). Giám đốc Sở ban hành 04 kết luận thanh tra về các cuộc thanh tra về các lĩnh vực đã thanh tra (*Biểu số 01b/TTKT*).

2. Kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ

Trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, đầu tư cho KH&CN vẫn được chú trọng. Kinh phí sự nghiệp khoa học được bố trí năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, đầu tư cho KH&CN của tỉnh còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết các vấn đề đặt ra của kinh tế - xã hội.

Ngoài ngân sách của tỉnh hàng năm chi cho KH&CN, tỉnh cũng đã năng động, chỉ đạo tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài thông qua nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN cũng như các chương trình, đề tài, dự án các cấp ở Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN cũng như hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống để nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế.

Công tác phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước các văn bản hướng dẫn hiện hành. Việc phân bổ kinh phí đảm bảo có trọng tâm trọng điểm, việc sử dụng kinh phí đúng mục đích và đảm bảo hiệu quả (*Biểu số 02a/KP, Biểu số 02c/QUY*)

3. Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; kết quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ

Tỉnh đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm, tập trung triển khai các đề tài/dự án liên quan đến nhãn hiệu, thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến tạo sản phẩm chất lượng cao. Trong đó tập trung nghiên cứu, đề xuất đặt hàng, giao trực tiếp các nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, trong từng ngành và các công nghệ chiến lược, nền tảng của CMCN 4.0, có tác động lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực khác. Thông qua đó đã góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác thông tin KH&CN ngày càng được tăng cường, chú trọng phổ biến kiến thức KH&CN, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, làm tốt vai trò định hướng dư luận, đưa cơ chế chính sách về KH&CN đến với người dân, tạo sự chuyển biến về mặt nhận thức của các cấp lãnh đạo và nhân dân địa phương về vai trò của việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống (*Biểu số 03a/NCKH, Biểu số 03đ/TTKH&CN*).

4. Tình hình hoạt động thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư; thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

Tỉnh thực hiện có hiệu quả công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư để giúp doanh nghiệp lựa chọn công nghệ tiên tiến phù hợp, hạn chế tình trạng sử dụng công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả gây lãng phí đầu tư và ảnh hưởng đến môi trường. Năm 2022, đã tổ chức thẩm định công nghệ 03 dự án đầu tư; tham gia ý kiến thẩm định công nghệ được 75 dự án, trong đó có 44 dự án đầu tư (*Biểu số 04a/TĐCN*); thẩm định kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước cho 02 đơn vị (*Biểu số 04c/TĐNV*).

Năm 2022, tỉnh không thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Kết quả phát triển nhân lực khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Tỉnh đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ, trong đó có cán bộ KH&CN, nhất là các chuyên gia giỏi. Thực hiện tốt một số chính sách hỗ trợ trí thức KH&CN được đào tạo, tự đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tôn vinh và khen thưởng kịp thời các đơn vị, trí thức KH&CN có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các dự án đầu tư phát triển KH&CN đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển KT-XH tỉnh. Hệ thống thiết bị hiện đại phục vụ kiểm định, kiểm nghiệm, hiệu chuẩn, giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa... đã góp phần nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm và các hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành cho các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học đảm bảo đủ năng lực nghiên cứu và làm chủ được các công nghệ tiên tiến, triển khai ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học và các công nghệ hiện đại khác vào sản xuất và đời sống, tiêu biểu như: công nghệ nuôi cấy mô (invitro), công nghệ vi sinh vật, công nghệ sản xuất các loại nấm, công nghệ lên men sinh khối, công nghệ sơ chế và bảo quản nông sản, công nghệ chiết suất chế biến, công nghệ PCR... Nhiều thiết bị máy móc hiện đại phục vụ sản xuất như: hệ thống nhà kính; hệ thống tưới tự động, nhỏ giọt; hệ thống cảm biến tự động; hệ thống làm mát, giữ nhiệt; hệ thống Camera theo dõi; hệ thống điều hành, vận hành từ xa qua Internet... phục vụ có hiệu quả công tác triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao để sản xuất một số loại hoa cao cấp và dược liệu quý hiếm (*Biểu số 05a/NLKHCN, Biểu số 05b/CCTC, Biểu số 05d/HTCN*).

6. Kết quả cấp Giấy chứng nhận trong hoạt động khoa học và công nghệ

Năm 2022, trên địa bàn tỉnh không có tổ chức nào đăng ký cấp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (*Biểu số 06a/TCKHCN*).

Năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 02 doanh nghiệp (Công ty TNHH Nhiên Thảo Quảng Trị, Công ty TNHH PUN COFFEE)(*Biểu số 06b/DNKHCN*).

7. Tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, thị trường khoa học và công nghệ

Tỉnh đã ban hành và triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, qua đó giúp hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có nhiều chuyển biến tích cực, lan tỏa đến nhiều sở, ngành, địa phương, cũng như các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh. Các trường cao đẳng, Phân hiệu đại học Huế tại Quảng Trị, trung cấp nghề, phổ thông trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động hưởng ứng tham gia, phối hợp xây dựng nhiều kế hoạch trong hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo. Các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp cũng được kết nối để đồng hành và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp. Nhờ sự chung tay của nhiều tổ chức, cá nhân, hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đã tạo được những chuyển biến tích cực, giúp cổ vũ, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp ở địa phương.

Hoạt động phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Công tác khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp được chỉ đạo thực hiện thường xuyên trong năm. Công tác tập huấn chuyên giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Mặc dù vậy, thị trường KH&CN tỉnh nhìn chung chưa phát triển; thiếu các tổ chức môi giới, tư vấn chuyên giao công nghệ để hỗ trợ hoạt động mua, bán công nghệ trên thị trường... Hiện tại KH&CN Quảng Trị còn thiếu nhiều yếu tố cấu thành nền KH&CN hiện đại như: những ngành công nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN, các viện nghiên cứu và trường đại học, những mối liên kết KH&CN, hệ thống môi giới và tư vấn KH&CN... (*Biểu số 07a/P.TTT, Biểu số 07b/ĐMST*).

8. Kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ

Công tác triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các kiến thức liên quan đến sở hữu trí tuệ; đưa pháp luật về sở hữu trí tuệ vào cuộc sống, đưa sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống đến người tiêu dùng. Tăng cường hướng dẫn các đơn vị, địa phương hồ sơ, thủ tục xác lập nhãn hiệu các loại. Tạo lập, quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý nhằm nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm đặc sản, truyền thống của địa phương như hồ tiêu, cà phê...

9. Tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy

Hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy được chú trọng, góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đưa các sản phẩm ra thị trường dễ dàng hơn, bền vững hơn, đảm bảo an toàn cho sản phẩm và chất lượng sức khỏe cho người tiêu dùng.

Năm 2022, tỉnh không ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương (*Biểu số 11a/QCKT, Biểu số 11b/DGSPH*).

10. Tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh

Triển khai Kế hoạch hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022, Hội đồng Sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng Quốc gia của tỉnh đã tiến hành xem xét, đánh giá để tuyển chọn các doanh nghiệp có thành tích nổi trội, tiêu biểu đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Tuy nhiên, qua đánh giá, các doanh nghiệp không có hồ sơ đủ điều kiện tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

11. Kết quả hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Năm 2022, Cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của tỉnh Quảng Trị về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Văn phòng TBT Quảng Trị) không nhận được các câu hỏi liên quan đến việc thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

12. Tình hình quản lý nhà nước về đo lường

Tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất nâng cao năng lực về kiểm định hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo ngày càng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và người dân; đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực và trình độ chuyên môn nhằm không ngừng nâng cao năng lực kiểm định đo lường của đơn vị. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, phổ biến các văn bản pháp quy, tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ quản lý đo lường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, vàng trang sức mỹ nghệ... Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất phương tiện đo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu, lương thực, vàng, khí dầu mỏ hóa lỏng, điện, nước, cân ô tô, taximet; phương tiện đo trong lĩnh vực y tế; phương tiện đo của các hộ kinh doanh, các đại lý tại các chợ, trung tâm thương mại (*Biểu số 14/DL*).

13. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp

Trong năm 2022, tỉnh đã tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra với nội dung về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, về điều kiện sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện, điện tử, nước uống đóng chai, thực phẩm... tại các cơ sở sản xuất. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện các cơ sở vi phạm, chủ yếu là vi phạm về kinh doanh hàng hóa ghi nhãn không đầy đủ, quá hạn sử dụng hoặc không rõ nguồn gốc; chất lượng sản phẩm, hàng hóa không đạt quy chuẩn; không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm... (*Biểu số 15a/KTCL*).

14. Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân và phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân được duy trì, nguồn phóng xạ tại cơ sở được kiểm soát theo quy định. Đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện hồ sơ để tiến hành kiểm tra cấp giấy phép, giấy gia hạn sử dụng thiết bị x-quang trong y tế; Phối hợp với Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tổ chức Lớp đào tạo an toàn bức xạ hạt nhân cho người phụ trách an toàn bức xạ và nhân viên bức xạ trong y tế và công nghiệp (*Biểu số 16a/ATBX, Biểu số 16b/NLNT*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với Chủ đề năm 2022 là “*Trách nhiệm, kỷ cương - Thích ứng an toàn - Thúc đẩy tăng trưởng*”, tỉnh Quảng Trị đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và phát triển KH&CN, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, đột phá có ý nghĩa chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cơ chế, chính sách về KH&CN trên địa bàn tỉnh được đổi mới và ngày càng hoàn thiện, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN từng bước được cụ thể hóa để phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương. Công tác quản lý các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Các nhiệm vụ KH&CN được tổ chức triển khai hàng năm đã bám sát vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính ứng dụng, khả năng nhân rộng ngày càng cao. Chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh đã thiết thực hỗ trợ nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất bứt phá vươn lên tiếp cận thành tựu KH&CN tiên tiến; đổi mới công nghệ, thiết bị nâng cao chất lượng, giá trị, gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm của tỉnh sau khi được bảo hộ được chú trọng. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển các dịch vụ thử nghiệm, kiểm định... tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng, tạo thuận lợi để thương mại hóa sản phẩm. Công tác kiểm tra, thanh tra về đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa góp phần quan trọng đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng trong đo lường, chất lượng, góp phần vào việc ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng và không rõ nguồn gốc xuất xứ. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đã tạo được những chuyển biến tích cực, giúp cổ vũ, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp ở địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH&CN năm 2022 đang gặp một số khó khăn, hạn chế. Mức độ tiếp nhận và làm chủ công nghệ của hầu hết tổ chức, cá nhân còn hạn chế; yếu tố kỹ thuật, kỹ năng công nghệ, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của nguồn nhân lực thấp. Đa phần các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, việc đổi mới công nghệ chưa được các doanh nghiệp quan tâm đúng mức dẫn đến năng lực cạnh tranh còn thấp. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh chưa hình thành đầy đủ dẫn đến khó khăn trong việc thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư vào các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở ươm tạo...

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

Năm 2023, tỉnh Quảng Trị tập trung thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tập trung khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để KH&CN trở thành đòn bẩy của công cuộc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là:

1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Ban hành Đề án phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

2. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

3. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.

4. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 03/08/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

5. Đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN, phát triển doanh nghiệp KH&CN. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả “Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; Chương trình “Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030”.

6. Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

7. Tổ chức có hiệu quả các cuộc kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ,..., tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, thiết yếu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình, những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức có hiệu quả các cuộc điều tra, khảo sát như: Khảo

sát nhu cầu của doanh nghiệp về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Điều tra, đánh giá hiệu quả nhãn hiệu (chứng nhận, tập thể và chỉ dẫn địa lý) sản phẩm hàng hóa đã được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh; Khảo sát tình hình sử dụng phương tiện đo, thiết bị đo lường trên địa bàn tỉnh; Khảo sát hoạt động công bố tiêu chuẩn chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, mã số mã vạch tại các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trên địa bàn tỉnh...

9. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực KH&CN như: Hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng lực sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn ưu đãi tại Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN và Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp...

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ KH&CN hàng năm ưu tiên tăng mức đầu tư của Trung ương cho Quảng Trị về kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí đầu tư phát triển. Đặc biệt, tăng cường nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho tỉnh để đầu tư tiềm lực cho các Trung tâm thuộc Sở nhằm nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm.

2. Đề nghị Bộ KH&CN và các đơn vị thuộc Bộ hỗ trợ tỉnh triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngoài khả năng về nguồn nhân lực KH&CN và kinh phí như: đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, xây dựng luận cứ khoa học, xây dựng các mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN phát triển các vùng kinh tế động lực của tỉnh.

3. Đề nghị Bộ KH&CN và các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục hỗ trợ tỉnh trong việc thực hiện các đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước triển khai trên địa bàn tỉnh như: chương trình Nông thôn miền núi, chương trình hợp tác quốc tế về KH&CN, các đề tài độc lập cấp nhà nước, các nhiệm vụ KH&CN địa phương cấp bách, mới phát sinh. Trong đó tập trung và ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Tiến

PHỤ LỤC*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /01/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)***Biểu số 01a/XDVB****TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT***Kỳ báo cáo: Năm 2022**(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)***Đơn vị báo cáo:**- Bộ, ngành;
- UBND cấp tỉnh**Đơn vị nhận báo cáo:**

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Báo cáo tình hình xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật và kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

TT	Cơ quan ban hành	Loại văn bản	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Tên/trích yếu	Lĩnh vực	Nội dung về khoa học và công nghệ
I	Văn bản quy phạm pháp luật						
1	UBND tỉnh Quảng Trị	Quyết định	32/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn Trường phòng, Phó Trường phòng ban hành kèm theo các quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị.	Tổ chức, cán bộ	Sửa đổi, bổ sung Quy định về điều kiện tuổi bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở KH&CN; Trường phòng, Phó Trường phòng phụ trách lĩnh vực KH&CN của Phòng Kinh tế, Kinh tế hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị
2	UBND tỉnh Quảng Trị	Quyết định	28/2022/QĐ-UBND	30/9/2022	Ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng	Quy định quản lý về TCĐLCL, sử dụng phương tiện đo tại các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh
3	HĐND tỉnh	Nghị quyết	45/NQ-HĐND	14/7/2022	Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ sự nghiệp công	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
II	Chương trình, Đề án, kế hoạch về khoa học và công nghệ						

4	UBND tỉnh Quảng Trị	Kế hoạch	88/KH-UBND	10/5/2022	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030	Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng	Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030.
5	UBND tỉnh Quảng Trị	Kế hoạch	155/KH-UBND	03/08/2022	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.	Sở hữu trí tuệ	Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.
Tổng 5							

2. Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ

Biểu số 02a/KP

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí trung ương thông báo	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
I	Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.896	21.896	21.794,845
1	Kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ trung ương ủy quyền địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)			
2	Chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp huyện	5.600	5.600	5.600
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-
4	Chi hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước	3.948	3.948	3.913
4.1	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	500	500	480
4.2	Sở hữu trí tuệ	200	200	195
4.3	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	150	150	145
4.4	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	80	80	80
4.5	Đào tạo, tập huấn	-	-	-
4.6	Đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ	120	120	120
4.7	Thanh tra khoa học và công nghệ	250	250	245
4.8	Hợp tác quốc tế	-	-	-
4.9	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ	2.648	2.648	2.648
5	Chi hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện	200	200	200
6	Chi các đơn vị sự nghiệp	5.551,167	5.551,167	5.525,102

TT	Nội dung	Kinh phí trung ương thông báo	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp	3.568,081	3.568,081	3.568,081
8	Chi các hoạt động khoa học và công nghệ khác	3.028,752	3.028,752	2.988,662
II	Tổng kinh phí đầu tư phát triển	8.680,567	8.680,567	8.680,567
1	Đầu tư thiết bị đo lường thử nghiệm và công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	7.920	7.920	7.920
2	Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa	760,567	760,567	760,567
Tổng số (I + II)		30.576,567	30.576,567	30.475,412

Biểu số 02c/QUY

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA QUỸ PHÁT
TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hoạt động tài trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Không

2. Hoạt động bảo lãnh, cho vay

TT	Nội dung hoạt động	Số dự án	Kinh phí (triệu đồng)		Kết quả (số lượng)	
			Phê duyệt	Thực hiện	Số dự án đang vận hành	Số dự án đã trả nợ thay
1	Bảo lãnh vốn vay	0				
2	Cho vay	2	1.500	1.500	1	1
	Tổng	2	1.500	1.500	1	1

3. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và kết quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thông tin khoa học và công nghệ

Biểu số 03a/NCKH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022.

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo: - Bộ, ngành;

- Đại học quốc gia;

- UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

TT	Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền công nhận/ đăng bài	Ngày, tháng, năm công nhận/ đăng bài	Đơn vị chủ trì	Tác giả	Tóm tắt nội dung chủ yếu
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học					
1	Ấn phẩm Đặc san KH&CN số 1,2,3,4 năm 2022	Sở KH&CN	Quý 1,2,3,4 năm 2022	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và TTKHCN		Đăng tải các bài nghiên cứu, bài báo khoa học và một số bài viết về lịch sử văn hóa
2	Ấn phẩm Bản tin Thông tin KH&CN số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 năm 2022	Sở KH&CN	Tháng 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12 năm 2022	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và TTKHCN		Đăng tải các tin tức KHCN; Thông tin về kết quả nghiên cứu; Đổi mới sáng tạo; Giới thiệu văn bản KHCN mới ban hành
3	Bài báo “Ứng dụng công nghiệp 4.0 phục vụ công tác vận động, điều phối cứu trợ, thiện nguyện: Thực tiễn và các giải pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”	Sở KH&CN	Quý 1 năm 2022	UBMTTQVN Tỉnh Quảng Trị	Đào Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Tường	Ứng dụng công nghiệp 4.0 phục vụ công tác vận động, điều phối cứu trợ, thiện nguyện: Thực tiễn và các giải pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
4	Xây dựng mô hình trồng cây cà chua cherry siêu ngọt tại vùng Bắc Hướng Hóa	Sở KH&CN	Quý 1 năm 2022	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và TTKHCN	Hà Thị Thu Hiền	Nghiên cứu, đối tượng nguyên cứu và kết quả nghiên cứu của mô hình trồng cây cà chua cherry siêu ngọt tại vùng Bắc Hướng Hóa
5	Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh vông mạc đái tháo đường bằng tiêm nội nhãn Bevacizumab	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022		Bùi Thị Vân Anh, Nguyễn Xuân Huy, Nguyễn	Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh vông mạc đái tháo đường bằng tiêm nội nhãn Bevacizumab

TT	Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền công nhận/ đăng bài	Ngày, tháng, năm công nhận/ đăng bài	Đơn vị chủ trì	Tác giả	Tóm tắt nội dung chủ yếu
					Huyền Trâm	
6	Quy trình sinh sản nhân tạo cá leo - Wallago attu (Bloch & Schneider, 1801) phù hợp tại tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022	Trường Đại học Nông Lâm Huế, Đại học Huế	Vũ Đức Nghĩa	Nghiên cứu quy trình và phổ biến kỹ thuật sinh sản nhân tạo và nuôi cá leo
7	Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong xây dựng phần mềm cứu trợ, thiên nguyện trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022	UBMTTQVN Tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Phong, KS.Thái Lê Duy Hưng, Võ Thị Ngọc Anh	Một số kỹ thuật mới được áp dụng trong xây dựng phần mềm cứu trợ, thiên nguyện; một số bài toán được giải quyết trong phần mềm và kết quả của việc xây dựng các ứng dụng trong phần mềm
8	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2030	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022		Nguyễn Hữu Thắng	Bài báo đã đánh giá kết quả cũng như những hạn chế của phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời gian qua. Đưa ra định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Quảng Trị đến năm 2030
9	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm bột bơ, dầu bơ tại Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Nguyễn Văn Toàn, Trần Thị Kim Nhi	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm bột bơ, dầu bơ tại Quảng Trị và kết quả đạt được
10	Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm du lịch đặc thù theo hướng bền vững tại Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022		TS. Bùi Thị Quỳnh Trang; TS. Hoàng Thị Thắm	Bài viết đã xây dựng mô hình bao gồm 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng là chủ quan và khách quan với tổng số các biến quan sát. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số hàm ý nhằm phát triển sản phẩm du lịch đặc thù bền vững tại tỉnh Quảng Trị

TT	Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền công nhận/ đăng bài	Ngày, tháng, năm công nhận/ đăng bài	Đơn vị chủ trì	Tác giả	Tóm tắt nội dung chủ yếu
11	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị ứng dụng có hiệu quả phương pháp lấy huyết khối động mạch não trực tiếp ở bệnh nhân nhồi máu não đến sớm dưới máy X Quang số hóa xóa nền (DSA) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022		Phùng Hưng	Bài viết đề cập đến nội dung ứng dụng có hiệu quả phương pháp lấy huyết khối động mạch não trực tiếp ở bệnh nhân nhồi máu não đến sớm dưới máy X Quang số hóa xóa nền (DSA) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
12	Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học về thí nghiệm một số giống cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị	Trần Cẩm	Bài viết đề cập đến Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học về thí nghiệm một số giống cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị
13	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử (PCR, Realtime PCR) trong chẩn đoán một số bệnh phổ biến trên tôm nuôi	Sở KH&CN	Quý 2 năm 2022	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và TTKHCN	Trần Quang Phú	Bài viết đề cập đến kỹ thuật sinh học phân tử (PCR, Realtime PCR) trong chẩn đoán một số bệnh phổ biến trên tôm nuôi
14	Nhân giống và trồng thử nghiệm cây Lan Kim tuyến (Anoectochilus sp) tại vùng Bắc Hướng Hóa	Sở KH&CN	Quý 3 năm 2022	Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và TTKHCN	Bùi Thị Tân Diệu	Bài viết đề cập đến nhân giống và trồng thử nghiệm cây Lan Kim tuyến (Anoectochilus sp) tại vùng Bắc Hướng Hóa và kết quả đạt được
15	Nghiên cứu tổn thương não trên cộng hưởng từ và mối liên quan với suy giảm nhận thức của người cao tuổi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Sở KH&CN	Quý 3 năm 2022		ThS. Nguyễn Trần Ngọc Trinh	Bài viết đề cập đến nội dung nghiên cứu tổn thương não trên cộng hưởng từ và mối liên quan với suy giảm nhận thức của người cao tuổi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị và kết quả đạt được
16	Nghiên cứu, điều tra mức độ ảnh hưởng của các loài thực vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại, từ đó đề xuất giải pháp phòng ngừa, quản lý phù hợp tại Khu bảo	Sở KH&CN	Quý 3 năm 2022		Nguyễn Tân Hiếu	Bài viết đề cập đến nội dung nghiên cứu, điều tra mức độ ảnh hưởng của các loài thực vật ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại, từ đó đề xuất giải pháp phòng ngừa, quản lý phù

TT	Nội dung	Cơ quan có thẩm quyền công nhận/ đăng bài	Ngày, tháng, năm công nhận/ đăng bài	Đơn vị chủ trì	Tác giả	Tóm tắt nội dung chủ yếu
	tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa					hợp tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới					
1	Không					
III	Kết quả khác					
1	Không					

2. Tổng hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được triển khai

TT	Loại hình nhiệm vụ	Khoa học tự nhiên	Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	Khoa học nông nghiệp	Khoa học giáo dục- đào tạo, y dược	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Tổng số
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp		02	14	01			
2	Nhiệm vụ mở mới		01	01	01		02	
	Tổng		03	15	02		02	

3. Kết quả nổi bật về ứng dụng khoa học và công nghệ

TT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Cơ quan chủ trì xây dựng công trình/công nghệ	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)
1	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật lấy huyết khối động mạch não trực tiếp dưới máy X-quang số hóa xóa nền (DSA) ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Đã triển khai nghiên cứu mô tả cắt ngang có theo dõi trên 79 bệnh nhân nhồi máu não cấp do tắc động mạch lớn nội sọ được can thiệp lấy huyết khối cơ học từ 11/2019 đến 12/2021 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. Chẩn đoán tắc mạch máu lớn dựa trên CLVT mạch máu não (động mạch cảnh trong, động mạch não giữa, động mạch đốt sống, thân nền). Bệnh nhân được khám lâm sàng, đánh giá điểm NIHSS tại thời điểm nhập viện. Đánh giá hiệu quả tái thông bằng thang điểm TIC1, đánh giá cải thiện lâm sàng bằng thang điểm mRankin sau 3 tháng. Kết quả đề tài các Bác sĩ và nhân viên y tế đã nắm vững và làm chủ kỹ thuật tái thông tốt (TIC1 2b,3) là

TT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Cơ quan chủ trì xây dựng công trình/công nghệ	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)
			<p>88,7%, chỉ có 5,1% tái thông thất bại (TICI 0,1%).</p> <p>+ Hiệu quả lâm sàng: Tỷ lệ phục hồi thần kinh tốt (mRS 0-2): 73,4%; Tỷ lệ tử vong sau 90 ngày là 10,1%.</p> <p>+ Không có bệnh nhân nào có chảy máu trong khi làm thủ thuật lấy huyết khối và có 7,6% bệnh nhân có chảy máu sau can thiệp.</p> <p>+ Chỉ có 01 trường hợp (1,3%) chảy máu (ổ lớn) có triệu chứng sau can thiệp.</p> <p>- Đề tài đã đánh giá được hiệu quả của kỹ thuật lấy huyết khối động mạch não ở bệnh nhân nhồi máu não trực tiếp dưới máy X-quang số hóa xóa nền (DSA) tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.</p> <p>- Đã Xây dựng hoàn thiện quy trình can thiệp nội mạch lấy huyết khối động mạch não trong bệnh lý nhồi máu não cấp.</p> <p>Đề tài đã có đóng góp rất lớn vào việc điều trị giúp bệnh nhân phục hồi tốt góp phần giảm gánh nặng cho cộng đồng và xã hội.</p> <p>Năm 2020 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị đã được Hội Đột quy thể giới (WSO) trao giải GOLD và năm 2021 cũng đã vinh dự được đón nhận giải PLATINIUM (giải nhì trong điều trị đột quy của WSO).</p>
2	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Leo (Wallago attu, Bloch & Schneider, 1801) phù hợp tại tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Nông Lâm Huế	<p>Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được quy trình sản xuất giống cá Leo phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ thành thực cá Leo trong điều kiện nuôi nhốt; Quy trình kỹ thuật kích thích cho đẻ và thụ tinh nhân tạo cá Leo; Quy trình kỹ thuật ương giống cá Leo giai đoạn cá hương; Quy trình kỹ thuật ương giống cá Leo giai đoạn cá giống; Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Leo phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Trị.</p> <p>Đến nay, các hộ gia đình sống ven sông Ô Lâu thuộc xã Hải Tân của huyện Hải Lăng nhân rộng 50 lồng bằng nhôm nuôi cá Leo đã đem lại hiệu quả kinh tế cao và 02 cơ sở sản xuất giống cá Leo (tại Trại Giống thủy sản Trúc Kinh và Trại Giống Văn Quang ở HTX Long Hưng) đang chủ động sản xuất cung cấp giống tại chỗ trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân và địa phương.</p>
3	Quản lý và phát triển NHTT Rượu men lá Ba Nang, NHCN Nước mắm Cửa Việt.	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.	<p>- Đề tài đã góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.</p>

TT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Cơ quan chủ trì xây dựng công trình/công nghệ	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)
			<p>Ngoài ra, quản lý tốt NHHT, NHCN còn mang lại những giá trị về mặt bảo tồn làng nghề, bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể đó là yếu tố truyền thống trong sản xuất của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây cũng là một giải pháp nhằm giải quyết những khó khăn về mặt thông tin cho các cấp, ngành, địa phương và người sản xuất trong việc lựa chọn và chiến lược xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm truyền thống địa phương. - Hình thành được một mạng lưới chuyên gia hoạt động để hỗ trợ, phổ biến và hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện các chính sách về phát triển nhãn hiệu, nâng cao vai trò của Sở hữu trí tuệ trên thị trường các sản phẩm nông nghiệp của Quảng Trị. - Danh tiếng và uy tín của sản phẩm được đảm bảo, giá cả ổn định và được pháp luật bảo vệ trên thị trường.

Biểu số 03d/TTKHCN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

- Bộ, ngành;

- UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện và công bố thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị: nhiệm vụ

TT	Nhiệm vụ KH&CN	Sử dụng ngân sách nhà nước				Không sử dụng ngân sách nhà nước
		Cấp quốc gia	Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	
1	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành	01	0	5	6	0
2	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và đã thực hiện đăng ký kết quả	02	0	11	5	0
3	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đưa vào ứng dụng	0	0	0	0	0
4	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0
	Tổng	03		16	11	

2. Công tác phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ

2.1. Kinh phí đầu tư cho công tác phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trong năm

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Tổng kinh phí
1	Kinh phí đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước (Bao gồm kinh phí: Xây dựng, cập nhật, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KH&CN; Xây dựng duy trì và phát triển Cổng Thông tin KH&CN; Thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức về KH&CN; Xuất bản các ấn phẩm thông tin KH&CN.	1,067,187
2	Kinh phí đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước	0

2.2. Nguồn tin khoa học và công nghệ bổ sung trong năm báo cáo

TT	Loại nguồn tin khoa học và công nghệ	Sử dụng ngân sách nhà nước		Không sử dụng ngân sách nhà nước	
		Mua (Số lượng)	Nội sinh* (Số lượng)	Mua (Số lượng)	Nội sinh* (Số lượng)
1	Sách khoa học và công nghệ	Dạng giấy			
		Dạng điện tử			
2	Bản tin khoa học và công nghệ	Dạng giấy		04 Đặc san KH&CN	
		Dạng điện tử		12 Bản tin Thông tin KH&CN	
3	Tạp chí khoa học và công nghệ	Dạng giấy			
		Dạng điện tử			
4	Cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ		CSDL Nhiệm vụ KH&CN		
5	Loại khác (ghi cụ thể loại tài liệu)				
	Tổng				

(* Nguồn tin khoa học và công nghệ nội sinh là nguồn tin do bộ, ngành, địa phương tạo ra, lưu giữ và phổ biến)

3. Công tác xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ

TT	Tên cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ	Loại cơ sở dữ liệu			Tổng số biểu ghi	Cho phép khai thác trực tuyến		Số lượt khai thác/sử dụng
		Thư mục	Tóm tắt	Toàn văn		Có	Không	
1	CSDL Nhiệm vụ KH&CN		Tóm tắt		47.965	có		
2	Hệ tri thức Việt số hóa		Tóm tắt			có		
3	Nền tảng dữ liệu và dịch vụ số hữu công nghiệp		Tóm tắt			có		
4	CSDL tiêu chuẩn Việt Nam		Tóm tắt		15.872	có		
5	CSDL cung cầu công nghệ		Tóm tắt			có		
	Tổng							

4. Báo cáo tình hình hoạt động thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư; Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

Biểu số 04a/TĐCN

TÌNH HÌNH THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả thẩm định cơ sở khoa học Chương trình phát triển kinh tế - xã hội: Không

2. Kết quả thẩm định công nghệ dự án đầu tư

TT	Thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng			Loại công nghệ của dự án									Dự án bị từ chối ⁷		
					Sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao			Sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyên giao			Thuộc Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường					
		Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP
1	HĐND/UBND cấp tỉnh				4	2		7			7			9		
2	HĐND cấp huyện	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
3	HĐND cấp xã	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
4	Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế				1			4			4			6		
5	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
	Tổng				5	2		11			11			15		

Biểu số
04c/TĐNV

TÌNH HÌNH THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Về thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Ngành khoa học và công nghệ ⁹	Lĩnh vực ứng dụng ¹⁰	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị thẩm định			Thời gian thực hiện nhiệm vụ (năm)	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ (ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)	Kết quả cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ		Không cấp Giấy xác nhận đánh giá đồng thời thẩm định (tích dấu "x")
				Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ (tích dấu "x")	Đơn vị ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ (tích dấu "x")	Địa chỉ			Số chứng nhận	Ngày cấp	
1	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất các sản phẩm tinh dầu và thảo dược từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	4	499	x		TT. Gio Linh, huyện Gio Linh. Tỉnh Quảng Trị	2021	TT. Gio Linh, huyện Gio Linh. Tỉnh Quảng Trị	133/SKHCN-QĐ	02/08/2022	
2	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế biến cà phê arabica theo phương thức cà phê đặc sản và xây dựng hình thành chuỗi giá trị cà phê đặc sản Khe Sanh Quảng Trị	4	401	x		Đồi Pun, km27 Hường Phùng, Hường Hóa, Quảng Trị	2021	Hường Phùng, Hường Hóa, Quảng Trị	191/SKHCN-QĐ	14/9/2022	
Tổng	02										

2. Về đánh giá đồng thời thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước: Không

¹¹ Ghi tên tương ứng mã cấp 2 Lớp 2. Ngành khoa học và công nghệ theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

¹² Ghi tên tương ứng mã cấp 2 Lớp 2. Ngành khoa học và công nghệ theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

5. Báo cáo về phát triển nhân lực khoa học và công nghệ và phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Biểu số 05a/NLKHCN

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

- Bộ, ngành;
- Đại học quốc gia;
- UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả
I	Số lượng cán bộ tuyển dụng đặc cách	Người	
II	Bố trí, sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ	Người	
1	Số cán bộ được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	30	
2	Số cán bộ được bổ nhiệm vị trí lãnh đạo trong tổ chức	15	
III	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động khoa học và công nghệ của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	Triệu đồng	
1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ		
2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức khoa học và công nghệ		
3	Hỗ trợ cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tham gia hội thảo khoa học trong nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác khoa học và công nghệ		
IV	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ	Người	
1	Số cá nhân được nâng lương vượt bậc	0	
2	Số cá nhân được đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác	0	
3	Số cá nhân được kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ	0	
4	Số lượng nhà khoa học đầu ngành	0	
5	Số lượng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	0	

6	Số lượng nhà khoa học trẻ tài năng	0	
7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ khoa học và công nghệ	0	
7.1	Số cá nhân được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn	0	
7.2	Số cá nhân được đào tạo, bồi dưỡng Kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ	0	
7.3	Số cá nhân được đào tạo theo nhóm nghiên cứu	0	

2. Tình hình, kết quả đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Số lượng (người)		Tổng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (triệu đồng)
		Đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia khoa học và công nghệ		15	
2	Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu		3	
3	Bồi dưỡng sau tiến sỹ		0	
4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý khoa học và công nghệ		28	
5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ		0	
6	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khác		5	
	Tổng			

3. Số lượng, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

TT	Chức danh	Số lượng	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn					Trình độ tin học		Trình độ ngoại ngữ		Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
			Nam	Nữ	≤ 35	35- 50	≥ 50	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Chức danh nghiên cứu khoa học																
1	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)																
2	Nghiên cứu viên chính (hạng II)																
3	Nghiên cứu viên (hạng III)																
4	Trợ lý nghiên cứu (hạng IV)																
II	Chức danh công nghệ																
1	Kỹ sư cao cấp (hạng I)																
2	Kỹ sư chính (hạng II)																
3	Kỹ sư (hạng III)								30	20	30						
4	Kỹ thuật viên (hạng IV)									17	40	55					
	Tổng số																

Ghi chú:

- Cột (15) thống kê số lượng viên chức có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.
- Cột (17) thống kê số lượng viên chức có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ theo yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ tương ứng với từng hạng chức danh.
- Cột (18) thống kê số lượng viên chức đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng hạng chức danh.

Biểu số 05b/CCTC

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CÔNG LẬP**

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Tiêu chí	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh (*)	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (*)	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (*) (nếu có)	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh (**) (nếu có)	Cơ sở giáo dục đại học
A	Tổng số tổ chức khoa học và công nghệ¹: (Trong đó)		02			
1	Phân loại theo lĩnh vực hoạt động²					
1.1	Khoa học tự nhiên					
1.2	Khoa học kỹ thuật và công nghệ		02			
1.3	Khoa học Y dược					
1.4	Khoa học nông nghiệp					
1.5	Khoa học xã hội					
1.6	Khoa học nhân văn					
2	Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ³					
2.1	Tổ chức phục vụ quản lý nhà nước					
2.2	Tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu		02			
2.3	Tổ chức phục vụ công ích của nhà nước					
3	Thực hiện cơ chế tự chủ⁴					
3.1	Chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính		02			
3.2	Phương án tự chủ đã được phê duyệt					
	<i>Tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư</i>					

	<i>Tự bảo đảm chi thường xuyên</i>					
	<i>Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đầu tư</i>					
	<i>Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư</i>					
4	Đã đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần					
B	Tổng số nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ: <i>(Trong đó)</i>					
1	Nhân lực					
1.1	Viên chức					
1.2	Hợp đồng lao động (Hợp đồng 68), Hợp đồng chuyên môn, Hợp đồng khác					
2	Giới tính					
2.1	Nam					
2.2	Nữ					
3	Trình độ					
3.1	Tiến sỹ					
3.2	Thạc sỹ					
3.3	Cao đẳng					
3.4	Khác					
4	Học hàm					
4.1	Giáo sư					
4.2	Phó Giáo sư					
5	Lứa tuổi					
5.1	Trên 60 tuổi					
5.2	Từ 56-60 tuổi					

5.3	Từ 36-55 tuổi				
5.4	Đến 35 tuổi				
6	Cơ cấu số lượng làm việc theo vị trí việc làm (VTVL)				
6.1	VTVL lãnh đạo, quản lý				
6.2	VTVL chuyên môn dùng chung				
6.3	VTVL chuyên ngành khoa học và công nghệ				
6.4	VTVL hỗ trợ, phục vụ				
7	Cơ cấu ngạch viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ				
7.1	Nghiên cứu viên cao Cấp/Kỹ sư cao cấp				
7.2	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính				
7.3	Nghiên cứu viên/Kỹ sư				
7.4	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên				

Ghi chú:

(*) Không bao gồm các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc và trực thuộc đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc; Cơ sở giáo dục đại học

¹ Bao gồm các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia: tổng cục; học viện; cục; UBND cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

² Theo các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ - Mã cấp 1 của Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ (ban hành tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về các bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ và Quyết định số 37/QĐ-BKHHCN ngày 14/1/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đính chính Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN).

³ Theo phân loại tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHHCN ngày 10/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

⁴ Theo phân loại tại Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

() Đơn vị trực thuộc tổ chức khoa học và công nghệ có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động độc lập, được phê duyệt phương án tự chủ riêng.**

Biểu số 05d/HTCN

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án ¹³	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí						Hạng mục đầu tư ¹⁴		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng số vốn đầu tư được duyệt	Ngân sách nhà nước		Ngân sách ngoài nhà nước		Kinh phí được phân bổ lũy kế đến hết năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2023	
								Trung ương	Địa phương	Nguồn trong nước	Nguồn nước ngoài				
I	Dự án chuyển tiếp														
1	Đầu tư thiết bị đo lường thử nghiệm và công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	Sở Khoa học và Công nghệ	Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	2021	2023	22.500		22.500				14.322	8.178	Mua sắm trang thiết bị
II	Dự án mở mới														
	Không														

¹³ Các dự án tăng cường tiềm lực cho các Tổ chức khoa học và công nghệ công lập¹⁴ Ghi rõ hạng mục đầu tư trong năm báo cáo (xây dựng nhà xưởng; mua sắm trang thiết bị...)

6. Báo cáo kết quả cấp Giấy chứng nhận trong hoạt động khoa học và công nghệ:

Biểu số 06a/TCKHCN

KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Loại hình tổ chức	Kết quả cấp Giấy chứng nhận		
		Cấp mới	Sửa đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Không	Không	
2	Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập	Không	Không	
3	Chi nhánh Văn phòng đại diện	Không	Không	
Tổng				

Biểu số
06b/DNKHCN

KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 15 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Nội dung	Số lượng
1	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp mới Giấy chứng nhận	02
2	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận	0
3	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ giải thể/ngừng hoạt động/bị thu hồi Giấy chứng nhận	0
4	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tiếp cận ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước	04

7. Báo cáo tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, thị trường khoa học và công nghệ

Biểu số 07a/PTTT

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Số lượng tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

TT	Loại hình tổ chức trung gian	Số lượng
1	Sàn giao dịch công nghệ	0
2	Trung tâm giao dịch công nghệ	0
3	Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	0
4	Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	0
5	Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	0
6	Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	02
7	Các hình thức khác	
Tổng số		02

2. Kết quả tổ chức sự kiện khoa học và công nghệ

TT	Sự kiện khoa học và công nghệ	Số lượng người tham gia	Số lượng Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ (triệu đồng)
1	Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)	0		
2	Sự kiện kết nối cung cầu (Techdemo)	12	0	0
3	Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest)	20		0
4	Các sự kiện khoa học và công nghệ khác	05	0	0
	Tổng số	37		

Biểu số 07b/ĐMST

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

- Bộ, ngành;
- UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Nội dung triển khai

TT	Tên Nhiệm vụ	Nhóm nhiệm vụ ¹	Đơn vị chủ trì	Các nội dung chính	Các hoạt động chính đã thực hiện của nhiệm vụ				
					Hội thảo/ Hội nghị	Cuộc thi khởi nghiệp	Kết nối đầu tư	Khóa đào tạo	Khác
1	Phát triển đào tạo nâng cao năng lực	5	Sở KH&CN	Huấn luyện kỹ năng viết thuyết minh, Kỹ năng thuyết trình kêu gọi vốn,...				x	
2	Đào tạo nâng cao HLV khởi nghiệp ĐMST, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu	5	Cục Phát triển thị trường và DNKHCN	Huấn luyện chuyên gia KNĐMST cho tỉnh				x	
3	Cuộc Khởi nghiệp ĐMST		Sở KH&CN			x			

2. Kết quả hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo²: không

11. Báo cáo tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy.

Biểu số 11a/QCKT

**TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VÀ
QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Thông tư/Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Ký hiệu quy chuẩn
1					
2	Không				

Biểu số 11b/DGSPH

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/quy chuẩn	Loại hình đánh giá	
					Bên thứ nhất (tự đánh giá)	Bên thứ ba (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/được chỉ định)
1	185/TB-TĐC 07/12/2021	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
2	186/TB-TĐC 07/12/2021	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
3	192/TB-TĐC 17/12/2021	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
4	194/TB-TĐC 21/12/2021	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
5	197/TB-TĐC 22/12/2021	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
6	001/TB-TĐC 04/01/2022	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/quy chuẩn	Loại hình đánh giá	
					Bên thứ nhất (tự đánh giá)	Bên thứ ba (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/được chỉ định)
7	002/TB-TĐC 04/01/2022	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
8	011/TB-TĐC 11/01/2022	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
9	050/TB-TĐC 21/4/2022	CN Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		Trung tâm kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị
10	36/TB-TĐC 17/3/2022	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Gạch bê tông tự chèn.	TCVN 6476: 1999		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP
11	37/TB-TĐC 17/3/2022	Công ty Cổ phần Thiên Tân	Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797: 2015		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP
12	53/TB-TĐC 05/5/2022	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260: 2020		Trung tâm Chứng nhận phù hợp - Quacert
13	54/TB-TĐC 05/5/2022	Công ty CP xi măng Sông Gianh	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260: 2020		Trung tâm Chứng nhận phù hợp - Quacert
14	94/TB-TĐC 15/7/2022	CN Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		Trung tâm kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị
15	101/TB-TĐC 02/8/2022	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
16	102/TB-TĐC 02/8/2022	CN Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x	
17	122/TB-TĐC 07/9/2022	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Ấm đun nước	QCVN 4: 2009/BKHCN		Trung tâm kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị

12. Báo cáo tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố: Không

13. Báo cáo kết quả hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại: Không

14. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về đo lường

Biểu số 14/ĐL

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày...tháng... năm... đến ngày... tháng...năm...)

Đơn vị báo cáo:

UBND cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả hoạt động tiếp nhận công bố, chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2:
Không

2. Tình hình thực hiện kiểm định đối chứng, số lượng phương tiện đo nhóm 2 phải được kiểm định đối chứng, tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định đối chứng trên địa bàn địa phương

TT	Tên tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định đối chứng	Tên phương tiện đo kiểm định đối chứng	Số lượng phương tiện đo đã kiểm định			Sự đáp ứng theo Quyết định chỉ định kiểm định phương tiện đo (tích "x")	
			Tổng	Đạt	Không đạt	về số lượng phương tiện đo được kiểm định	về thời gian thực hiện
1	Trung tâm Thí nghiệm điện Quảng Trị	- Đồng hồ điện 1 pha; - Đồng hồ điện 3 pha; - Biến dòng	18.160	x		x	x
2	Trung tâm kiểm định đồng hồ và chống thất thoát - Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị	Đồng hồ nước	10.000	x		x	x
	Tổng						

3. Kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường Kiểm tra phương tiện đo, phép đo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm... (chú trọng báo cáo tình hình thực hiện kiểm tra đặc thù trong kiểm tra đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu)

3.1. Phương tiện đo

TT	Tên phương tiện đo	Kết quả		
		Số cơ sở được kiểm tra	Số phương tiện đo được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm
1	Cột đo xăng dầu	27	75	0
2	Cân ô tô	16	18	0
3	Cân đồng hồ lò xo	3.032	3.287	15
	Tổng	3.075	3.380	15

3.2. Phép đo

TT	Tên phép đo	Kết quả		
		Số cơ sở được kiểm tra	Số phép đo được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm
1	Kiểm tra khối lượng 42 mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ	9	42	0
	Tổng	9	42	

3.3. Lượng của hàng đóng gói sẵn

TT	Tên của hàng đóng gói sẵn	Kết quả		
		Số cơ sở được kiểm tra	Số hàng đóng gói sẵn được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm
1	Tinh dầu thiên nhiên, Nước Mắm, Tinh bột sắn, Cà phê	19	202	09
2	đường, mứt, bánh kẹo hạt dưa...	140	500	16
	Tổng	159	702	25

3.4. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm: Không

10	Văn hóa, thể thao và du lịch										
11	Lao động - thương binh và xã hội										
Tổng		26	90	0	0	0	0	0	0	0	

Ghi chú:

- Số cơ sở được kiểm tra: 24 doanh nghiệp kinh doanh vàng và 02 doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm thép
- Số lô hàng hóa được kiểm tra: 86 mẫu vàng và 04 lô thép.

3. Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong nhập khẩu

3.1. Hàng hóa đăng ký kiểm tra đã được xác nhận/ra Thông báo kết quả kiểm tra: Không

3.2. Kiểm tra định kỳ/đột xuất tại cơ sở lưu giữ hàng hóa: Không

3.3. Cơ sở được áp dụng biện pháp miễn giảm kiểm tra: Không

16. Báo cáo về công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân và phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử

Biểu số 16a/ATBX **CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 15 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình cấp phép tiến hành công việc bức xạ

TT	Tên cơ sở	Số giấy phép	Ngày cấp	Số lượng nhân viên bức xạ	Số lượng thiết bị X-quang
1	Công ty cổ phần dịch vụ y tế Hoàn Mỹ	6218/GP-UBND	05/12/2022	04	04
		4627/GP-UBND	23/9/2022		
2	Trung tâm y tế huyện Hải Lăng	5331/GP-UBND	28/10/2022	02	01
3	Công ty TNHH MTV Phòng khám Trường An	4628/GP-UBND	23/9/2022	02	01
4	Phòng khám đa khoa Tâm An	4629/GP-UBND	23/9/2022	01	01
5	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh	4502/GP-UBND	16/9/2022	02	02
6	Phòng khám đa khoa Đức Linh				
7	Bệnh viện chuyên khoa lao và bệnh phổi tỉnh Quảng Trị	6219/GP-UBND	05/12/2022	02	02
8	Trung tâm y tế thành phố Đông Hà	5330/GP-UBND	28/10/2022	02	01
9	Phòng khám đa khoa Hồng An	4500/GP-UBND	16/9/2022	01	01
10	Công ty cổ phần trung tâm y khoa Quang Trung	4496/GP-UBND	16/9/2022	02	01
11	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	4498/GP-UBND	16/9/2022	05	03
12	Công ty TNHH MTV Hoàng Dũng	4497/GP-UBND	16/9/2022	03	03
13	Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	4501/GP-UBND	16/9/2022	03	02
14	Công ty cổ phần y tế phòng khám đa khoa Hiệp Đức	4495/GP-UBND	16/9/2022	02	01
	Tổng số	15		30	23

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

2.1. Kết quả thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động			Hành vi vi phạm bị xử lý nếu có (nêu rõ Điều, khoản, điểm xử phạt vi phạm hành chính)	Số tiền đã xử phạt (triệu đồng)	Các điểm cần lưu ý về cơ sở (nếu có)
			Y tế	Công nghiệp	Khác			
1	Công ty CP Gỗ MDF VRG	Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị		x		Không	Không	
2	Công ty CP Bìa Hà Nội - Quảng Trị	Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị		x		Không	Không	
3	Cục Hải quan Quảng Trị	Số 92 Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị			x	Không	Không	
4	Công ty CP Khoáng sản Quảng Trị	Số 41, Nguyễn Du, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị		x		Không	Không	
5	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Linh	Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	x			Không	Không	
6	Trung tâm Y tế huyện Gio Linh	Khu phố 6, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	x			Không	Không	
7	Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ	83 Khu phố 4, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, Quảng Trị	x			Không	Không	
8	Trung tâm Y tế Đakrông	Km 40-Quốc lộ 9, Đakrông, Quảng Trị	x			Không	Không	
9	Trung tâm Y tế huyện Hướng Hóa	269 Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh, Hướng Hóa, Quảng Trị.	x			Không	Không	
10	Trung tâm Y tế huyện Triệu Phong	Thị trấn Ải Tử, Triệu Phong, Quảng Trị	x			Không	Không	
11	Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng	Khóm II, thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng, QT.	x			Không	Không	

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động			Hành vi vi phạm bị xử lý nếu có (nêu rõ Điều, khoản, điểm xử phạt vi phạm hành chính)	Số tiền đã xử phạt (triệu đồng)	Các điểm cần lưu ý về cơ sở (nếu có)
			Y tế	Công nghiệp	Khác			
12	Trung tâm Y tế Thị xã Quảng Trị	Số 09 Đoàn Thị Điểm, Phường II, TX Quảng Trị, Quảng Trị	x			Không	Không	
13	Bệnh viện khu vực Triệu Hải	67-Phan Đình Phùng, TX Quảng Trị, Quảng Trị	x			Không	Không	
14	Phòng khám Bác sĩ Toàn,	Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	x			Không	Không	
15	Phòng khám Tâm An	20/2A Hùng Vương, Hồ Xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.	x			Không	Không	
16	Phòng khám Hồng An	Số 10, Lê Duẩn, Đông Hà, Quảng Trị	x			Không	Không	
17	Phòng khám Bác sĩ Dũng	18B Lê Duẩn, Đông Hà, Quảng Trị.	x			Không	Không	
18	Phòng khám Quang Trung	372 Trần Hưng Đạo, TX Quảng Trị, Quảng Trị	x			Không	Không	
	Tổng số							

2.2 Kết quả kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính: Không

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật đối với cơ sở tiến hành công việc bức xạ

TT	Nội dung đánh giá	Thực hiện đầy đủ		Chưa thực hiện đầy đủ		Chưa thực hiện	
		Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)
1	Việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép	18	100				
2	Bổ nhiệm người phụ trách an toàn	17	94.4	1	5.26		
3	Chứng chỉ nhân viên bức xạ, đào tạo về an toàn bức xạ	18	100				
4	Theo dõi và đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ	18	100				
5	Khám và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe định kỳ đối với nhân viên bức xạ	18	100				
6	Nội quy an toàn bức xạ	18	100				
7	Quy trình tiến hành công việc bức xạ	18	100				
8	Thực hiện kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi do bức xạ,	18	100				
9	Kiểm xạ định kỳ khu vực tiến hành công việc bức xạ	18	100				
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ	18	100				
11	Công tác quản lý hồ sơ về an toàn bức xạ	18	100				
12	Kiểm tra đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ của cơ sở (kiểm tra thực tế của Đoàn thanh tra, kiểm tra)	18	100				
13	Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và các yêu cầu, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ	18	100				
14	Thực hiện việc báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hàng năm và khi được yêu cầu.	18	100				

Biểu số 16b/NLNT

**CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG
NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2022

*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 15 tháng 12 năm 2022)*_____

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế: Không

2. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp

TT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	Công nghiệp bia nước giải khát, giày và khác
1	Số cơ sở có ứng dụng	01	0	0	0	0	02
2	Tổng số nguồn phóng xạ kín	02	0	0	0	0	03
3	Tổng số thiết bị bức xạ	04	0	0	0	0	07
4	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo	0	0	0	0	0	0
5	Số nhân viên bức xạ	13	0	0	0	0	10

3. Chiếu xạ công nghiệp: Không.